

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 271/2024/DS-PT

Ngày: 21/6/2024

V/v “*Tranh chấp thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: 1/- Ông Võ Bảo Anh

2/- Bà Phan Thị Hồng Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Khương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 đến 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 516/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế và tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:**

1.1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1978.

1.2. Ông Lê Cà R, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Nguyễn Hoa T, sinh năm 1994 và ông Trần Văn Á, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (*Văn bản uỷ quyền ngày 18/02/2019*)

2. **Bi đơn:** Bà Trần Thị L – Đã chết năm 2021.

Có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là: Ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R. Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, TP Cần Thơ.**

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Võ Đức P**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3.2. Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1971.

3.3. Ông **Đỗ Văn P1**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3.4. Bà **Mai Thị Bé B**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Những người tham gia tố tụng đều có mặt; ông Q, ông A vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Lúc sinh thời ông Lê Văn X được ông bà nội tặng cho một phần đất có diện tích 9.060m² tại các thửa 235, 240, 242, 243 tờ bản đồ số 09 vào năm 1995. Ông X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm năm 2000, sau khi ông Q lập gia đình thì đã được ông X tặng cho 02 công đất tầm 3m (khoảng 2.600m²) tại thửa 235. Đến năm 2004, sau khi ông Cà R lập gia đình thì ông X cũng tặng cho ông Cà R phần đất có diện tích khoảng 2.600m² nối tiếp phần đất của ông Q. Cả hai phần đất khi tặng cho chỉ nói miệng không có làm giấy tờ. Phần đất còn lại thì ông X vẫn quản lý và canh tác. Năm 2007, ông X chết không để lại di chúc, ông Q và ông Cà R vẫn canh tác ổn định trên phần đất ông X đã cho. Khoảng năm 2013 và năm 2014 thì ông Q bán 2.600m² cho ông R với giá 40 chỉ vàng 24K. Hiện phần đất lúa là thửa 235 qua đo đạc thực tế là 2.940m².

Nguyên đơn ông Q và ông R khởi kiện yêu cầu:

- Công nhận phần diện tích đo đạc thực tế là 2.940m² đất ruộng tại thửa 235 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Cà R được đăng ký quyền sử dụng đất.

- Xác định ½ giá trị phần đất vườn thuộc thửa 240 tờ bản đồ 09 (đo đạc thực tế 4.098m²) có diện tích 2.049m² là di sản thừa kế của ông Lê Văn X chết để lại (giá trị khoảng 178.000.000 đồng). Đề nghị phân chia theo pháp luật và vị trí đất được nhận có ngôi mộ của ông X.

Nguyên đơn thống nhất với các bản trích đo địa chính của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

* Ngày 17/7/2021 bị đơn là bà Trần Thị L chết, nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu khởi kiện. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Q và ông Cà R thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1, bà Mai Thị Bé B có yêu cầu độc lập và trình bày như sau:

Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R. Vụ việc tranh chấp giữa ông Q, ông Cà R với bà L thì các ông bà cho rằng sự việc không có thật, vì trước đây khi bà L nợ tiền của ông T1, ông P1, bà B thì Tòa án đã giải quyết và thi hành án xong và phía gia đình bà L không có khiếu nại gì. Sau khi các ông bà canh tác được 02 vụ lúa thì ông Cà R ngang nhiên chiếm đất để canh tác, gây thất thoát mất thu nhập. Theo Quyết định cưỡng chế giao tài sản số 27/QĐ-CCTHA ngày 03/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền thì các ông bà được giao quyền sử dụng đất tổng diện tích hai thửa 235, 240 là 6.384,5m². Tuy nhiên khi tiến hành làm thủ tục chuyển tên tại cơ quan có thẩm quyền thì ông Q, ông Cà R và bà L nại ra lý do có tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế nên tạm ngưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, các ông bà yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 6.384,5m² là của các ông bà và được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như Cơ quan thi hành án đã giao cho các ông bà. Đối với diện tích dư 653,5m² các ông bà sẽ yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác. Yêu cầu ông Lê Cà R bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng là tiền mất thu nhập do không canh tác được trên đất.

Ngày 09/11/2020, ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Các ông bà thống nhất mở lối đi 1m chiều ngang từ ngoài lộ nhìn vào dọc theo khu mộ, chừa lại đủ diện tích 653,5m² giao lại cho người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công nhận phần đất có diện tích 6.384,5m² và được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như Cơ quan thi hành án đã giao thì nguyên đơn không đồng ý vì thửa 235 là của ông Lê Cà R, thửa 240 là tài sản chung của ông Lê Văn X, bà Trần Thị L vẫn chưa chia thừa kế xong.

* Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, TP . trình bày:

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền giao 6.384,5m² cho người được thi hành án là ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B là đúng trình tự quy định pháp luật. Tuy nhiên, do có tranh chấp thừa kế và quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn nên tại cơ quan có thẩm quyền tạm ngừng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được thi hành án. Đối với phần đất sau này có đo đạc thực tế dư 653,5m² theo bản trích đo địa chính ngày 12/8/2020 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thì Chi cục không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ đã đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 đã tuyên:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R.

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B.

Công nhận diện tích 6.384,5m² đất tại thửa 235, một phần thửa 240, tờ bản đồ 9 tại vị trí A, B, D của Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cho ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B. Cây trồng trên phần đất nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R có trách nhiệm di dời.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đứng tên ông Lê Văn X để điều chỉnh biến động, diện tích đất cấp cho ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B.

3/ Tạm giao 653,5m² đất tại một phần thửa 240, tờ bản đồ 9, vị trí C của Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cho ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R cùng quản lý.

4/ Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng do thiệt hại tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/9/2023, nguyên đơn Lê Văn Q và Lê Cà R kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Nguyên đơn trình bày: Đồng ý giao cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B phần đất từ ngoài lộ nhìn vào bắt đầu từ đầu thửa 235 kéo dài đến thửa 240 với tổng diện tích là 5.000 m² để cấn trừ phần nợ của bà Trần Thị L. Phần diện tích đất còn lại là 2038 m² thuộc thửa 240 sẽ do nguyên đơn ông Lê Cà R quản lý và sử dụng. Đồng thời nguyên đơn cũng thống nhất với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về vấn đề mở lối đi 1m chiều ngang từ ngoài lộ nhìn vào kéo dài đến hết phần diện tích 5000 m², qua phần đất còn lại là 2038 m² (Phần giao cho ông Lê Cà R).

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B trình bày: Thống nhất thoả thuận nhận 5.000 m² đất như ý kiến của nguyên đơn đã trình bày tại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án hai cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/6/2024, người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn, có mặt ông Lê Cà R, các nguyên đơn đồng thời cũng là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn- bà Trần Thị L (gọi chung là nguyên đơn) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B thống nhất thỏa thuận như sau:

- Nguyên đơn đồng ý giao 5.000m² cho ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B để cân trừ các khoản nợ của bà L, gồm toàn bộ thửa 235 và một phần thửa 240; vị trí giao tính từ thửa 235 có chiều ngang 12,86m kéo dài về hướng vị trí B, C theo Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C (gọi tắt là Bản trích đo địa chính số 1039); nguyên đơn đồng ý mở lối đi có chiều ngang 01m, tính từ vị trí D theo Bản trích đo địa chính số 1039 kéo dài đến giáp phần đất giao cho ông T1, ông P1, bà Bé B; đảm bảo tổng diện tích giao cho ông T1, ông P1, bà Bé B (bao gồm cả lối đi có chiều ngang 01m) là 5.000m².

- Ông Q, ông Cà R tự di dời cây trồng trên đất đối với phần đất giao cho ông T1, ông P1, bà Bé B, nếu không tự di dời thì giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

- Đối với phần đất giao cho ông T1, ông P1, bà Bé B thì 03 người này tự thỏa thuận phân chia. Nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Sau khi giao cho ông T1, ông P1, bà B1 Ba 5.000m², phần đất còn giao cho ông Lê Cà R nhận.

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp và không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật TTDS năm 2015: Sửa bản án sơ thẩm; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đã phân tích nêu trên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người kháng cáo; nội dung và hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo là đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng quy định pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, phía nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất, thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên toà phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thoả thuận giải quyết vụ án. Sự thoả thuận là đúng pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này. Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 103, Điều 106 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Điểm d Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa.

2/ Công nhận diện tích 5.000 m² đất bắt đầu từ thửa 235 có chiều ngang 12,86m và một phần thửa 240, tờ bản đồ 9 tại vị trí A, một phần vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cho ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé

B. Ông T1, ông P1, bà B tự thoả thuận phân chia 5.000 m² đất này. Nếu các ông, bà không thoả thuận được thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác. Cây trồng trên phần đất nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R có trách nhiệm tự di dời.

Mở lối đi có chiều ngang 1m từ đầu thửa 235 nhìn vào phía bên tay phải, kéo dài đến hết phần diện tích 5000 m² (phần giao cho ông T1, ông P1, bà B), qua tiếp phần đất còn lại 2.038 m² (Phần giao cho nguyên đơn Lê Cà R).

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) đứng tên ông Lê Văn X để điều chỉnh biến động, phần diện tích 5.000 m² đất cấp cho ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B.

3/ Giao 2.038 m² đất (phần còn lại của thửa 240, tờ bản đồ 9 và vị trí C của Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C) cho ông Lê Cà R quản lý, sử dụng. Ông R được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 2.038 m² đất này.

Những phần đất kể trên hiện tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số 1039 ngày 15/9/2023 của Trung tâm K, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C)

4/ Đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng do thiệt hại tài sản của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R phải chịu 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), phần này nguyên đơn đã nộp xong.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R phải chịu 22.770.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), khấu trừ 14.601.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo phiếu thu số 005308 ngày 20/3/2019, khấu trừ 2.225.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo phiếu thu số 005307 ngày 20/3/2019 và khấu trừ 1.960.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo phiếu thu số 017751 ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Phong Điền, nguyên đơn phải nộp thêm 3.984.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T1, ông Đỗ Văn P1 và bà Mai Thị Bé B được nhận lại 17.715.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 017757 ngày 16/11/2020.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Văn Q và ông Lê Cà R không phải chịu. Các nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001604 ngày 13/9/2023 và biên lai thu số 0001605 ngày 13/9/2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND H. Phong Điền;
- Chi cục THADS H. Phong Điền;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

Phạm Văn Bình